TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST Ngày: 01 - 9 - 2021 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Trung Thành

Bà Lê Thị Ngọc

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê **V** Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị **P**; sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn **TS**, xã **KT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Hữu **V** (Bùi Đình **V**); sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn **TS**, xã **KT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt bà **P**, ông **V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị **P** trình bày: Bà và ông Bùi Hữu **V** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 27/9/2006 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **KT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới

ai. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông **V**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thanh **N**, sinh ngày 21/01/2007. Hiện cháu đang ở với bà. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**, yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Bà **P** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Hữu **V** trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn với bà **P**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thanh **N**, sinh ngày 21/01/2007. Nếu ly hôn, ông giao cháu **N** cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi. Tại phiên toà, ông trình bày: hiện ông đang làm ruộng và làm thêm khi có người khác thuê, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Ông **V** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); bà **P**, ông **V** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho bà Bùi Thị **P** được ly hôn ông Bùi Hữu **V**. Giao cháu Bùi Thị Thanh **N**, sinh ngày 21/01/2007 cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **V** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Bà **P** và ông **V** thống nhất ly hôn, người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về mức cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị **P** và ông Bùi Hữu **V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2006 tại UBND xã **KT**, huyện **NL**, tỉnh

Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Bà **P** và ông **V** đều có nguyện vọng muốn được ly hôn. Điều đó chứng tỏ bà **P**, ông **V** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà **P** được ly hôn ông **V**.

[2] Về con cái: Bà **P** và ông **V** có 01 con chung. Bà **P** và ông **V** đều có nguyện vọng giao cháu **N** cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với bà **P**. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà **P** và ông **V**, giao cháu **N** cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, hiện ông **V** chỉ làm ruộng và làm thêm khi có người khác thuê, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), ông còn phải chi phí sinh hoạt cho cá nhân ông. Trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **N** là của cả bà **P** và ông **V**. Căn cứ điều kiện thực tế và các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận mức đề nghị cấp dưỡng của ông **V**, buộc ông **V** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản: Bà **P**, ông **V** không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Bà **P** và ông **V** thuận tình ly hôn nên bà **P**, ông **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ông **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị **P** được ly hôn ông Bùi Hữu **V** (Bùi Đình **V**).

2. Về con cái: Giao cháu Bùi Thị Thanh **N**, sinh ngày 21/01/2007 cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **V** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2021 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Ông **V** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị **P** phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011736 ngày 02/4/2021. Bà **P** được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ông Bùi Hữu **V** (Bùi Đình **V**) phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm. Bà **P**, ông **V** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục **P**c thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **KT**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Bùi Trung Thành	**Lê Thị Ngọc**	**Nguyễn Thanh Tân**